

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Th

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Bích L

2. Bà Nguyễn Thị Yến Th

-Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo V - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện BB.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: Bà Lê
Thị Khánh D-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh BTh xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2022/TLST-
HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con chung*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20
tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày
07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hoài X, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Thái Th, xã Hồng Th, huyện BB, tỉnh BTh.

Bị đơn: Ông Đinh Minh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Thái H, xã Hồng Th, huyện BB, tỉnh BTh.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà
Phan Thị Hoài Xuân trình bày:*

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Hoài X và ông Đinh Minh T tự nguyện yêu
nhau và đăng ký kết hôn ngày 10/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Th,
huyện BB, tỉnh BTh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc tại nhà
cha mẹ ông T đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không
hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà X cùng
con về nhà cha mẹ bà ở đến nay. Ông Đinh Minh T không còn quan tâm đến

tình cảm của bà và quan tâm chăm sóc con chung nên bà cảm thấy tình cảm không còn và hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn ông Đinh Minh T.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Hoài X và ông Đinh Minh T có 01 người con chung là Đinh Minh T1, sinh ngày 02/7/2006. Con đang sống cùng bà tại thôn Thái Th, xã Hồng Th, huyện BB. Bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn-Ông Đinh Minh T vắng mặt không có ý kiến và cũng không gửi văn bản ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Hoài X. Mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết tổng đạt thủ tục thụ lý và hòa giải cho ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt. Vì vậy, vụ án không hòa giải được và đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB phát biểu ý kiến đối với vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Bà Phan Thị Hoài X được ly hôn ông Đinh Minh T.

+ Về con chung: Giao 01 con chung tên Đinh Minh T1, sinh 02/7/2006 cho bà Phan Thị Hoài X trực tiếp nuôi dưỡng, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Tài sản chung và nợ chung: Bà X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào tài liệu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh Minh T có hộ khẩu tại xã Hồng Th, huyện BB thuộc trường hợp tranh chấp ly hôn nên Tòa án nhân dân

huyện BB thụ lý là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, ông Đinh Minh T vắng mặt không có ý kiến. Vì vậy, vụ án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo là phù hợp Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hoài X và ông Đinh Minh T được xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn 10/02/2006 tại UBND xã Hồng Th nên hôn nhân giữa bà X và ông T là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông Đinh Minh T và bà Phan Thị Hoài X không cùng nhau chăm lo kinh tế gia đình, nuôi dạy con mà tự sống riêng, ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, khi bà X yêu cầu ly hôn ông Đinh Minh T bỏ mặc không quan tâm cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ ông Đinh Minh T không tha thiết gì về hôn nhân giữa ông với bà X, không muốn đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét thấy có căn cứ cho bà Phan Thị Hoài X được ly hôn ông Đinh Minh T được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Phan Thị Hoài X và ông Đinh Minh T có 01 người con chung là Đinh Minh T1, sinh 02/7/2006. Hiện nay con đang sống chung với bà X, bà X yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy bà X yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Đối với cấp dưỡng nuôi con: bà Phan Thị Hoài X không yêu cầu ông Đinh Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà Phan Thị Hoài X xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Bà Phan Thị Hoài X chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6]Đổi với phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện BB về việc giải quyết vụ án có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; Điều 19; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hoài X.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Hoài X được ly hôn ông Đinh Minh T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Minh T1, sinh ngày 02/7/2006 cho bà Phan Thị Hoài X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đinh Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.
3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Phan Thị Hoài Xuân không yêu cầu nên không xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Hoài X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí: Bà Phan Thị Hoài X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số 0002598 ngày 26/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB. Bà X đã nộp đủ án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BTh;
- VKSND huyện BB;
- Chi cục THADS huyện BB;
- Dương sự;
- UBND xã Hồng Th (hộ tịch)
- Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thanh Th

